TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 269/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 329/2024/TLST-VHNGĐ về "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" *ngày 09 tháng 7 năm 2024*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần N, sinh năm 1973

Và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: P606 nhà B5 Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần N và bà Phạm Thị H tự nguyện kết hôn năm 2000, có đăng kí kết hôn tại UBND phường Hào Nam, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt, không thể hòa giải được do không phù hợp về lối sống, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân mâu thuẫn của ông bà chủ yếu do giữa hai người có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống không thể giải quyết dẫn đến thường xuyên cãi vã trong gia đình. Nay ông bà xác định mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn nên được Tòa án chấp nhận.

2. Về con chung: Ông Trần N và bà Phạm Thị H cùng thống nhất xác định ông bà có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Anh, sinh ngày 01/01/2002 và cháu

Trần Minh, sinh ngày 28/10/2011. Ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Minh cho ông Trần N trực tiếp nuôi dưỡng Ông bà thống nhất thỏa thuận bà Hà không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà Hà cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định khác của pháp luật thay thế. Đối với cháu Trần Anh, cháu đã đủ 18 tuổi, cháu muốn ở với ai là quyền của cháu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở)*:* Ông Trần N và bà Phạm Thị H cùng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Ông Trần N và bà Phạm Thị H cùng thống nhất ông bà không vay nợ ai và không ai nợ gì ông bà. Ông bà không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về lệ phí HNGĐST: Ông Trần N chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần N về việc chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của bà Phạm Thị H. Tổng cộng là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí ông Trần N đã nộp theo biên lai thu số 0046280 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Nay chuyển thành lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần N và bà Phạm Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần N và bà Phạm Thị H cùng thống nhất xác định ông bà có 02 (Hai) con chung là cháu Trần Anh, sinh ngày 01/01/2002 và cháu Trần Minh, sinh ngày 28/10/2011. Ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Minh cho ông Trần N trực tiếp nuôi dưỡng Ông bà thống nhất thỏa thuận bà Hà không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà Hà cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định khác của pháp luật thay thế. Đối với cháu Trần Anh, cháu đã đủ 18 tuổi, cháu muốn ở với ai là quyền của cháu nên Tòa án không giải quyết.

Bà Phạm Thị H được quyền tự do đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Ông Trần N và bà Phạm Thị H cùng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Ông Trần N và bà Phạm Thị H cùng thống nhất ông bà không vay nợ ai và không ai nợ gì ông bà. Ông bà không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐST: Ông Trần N chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần N về việc chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của bà Phạm Thị H. Tổng cộng là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí ông Trần N đã nộp theo biên lai thu số 0046280 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- UBND phường Hào Nam, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
(Giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyển số 01/2000 ngày 25/11/2000);
- Các đương sự;
- Lưu VP; Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng